TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GV **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 484/2023/DS-ST.
Ngày: 29/9/2023.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GV, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Đặng Đình Tiến.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Minh Thanh.

2. Ông Võ Thành Viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận GV.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận GV tham gia phiên tòa*:*

Bà Lê Duy Bảo Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận GV, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2023/TLST-DS, ngày 22/3/2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 544/2023/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 471/2023/QĐST-DS, ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty A.

Trụ sở chính: Đường PDL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật có ông N.H.N – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền ông D.T.P.

(Giấy ủy quyền số 220713-2-CEA ngày 13/7/2022).

(Ông P đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà T.T.D.L, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Số a đường PVC, Phường B, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà L vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/07/2022, nguyên đơn Công ty A (sau đây gọi tắt là Công ty) và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông D.T.P trình bày:

Ngày 07/01/2020, bà T.T.D.L đã ký hợp đồng tín dụng số 2W016069130 với Công ty A. Theo hợp đồng, bà L đã vay 25.000.000 đồng với lãi suất thực tế là 4,67% (lãi suất 56%/năm), mục đích mua xe máy nhãn hiệu Honda Vision, biển số 59V3-283.21, số khung 5834KY641719, số máy JF86E0362430. Theo hợp đồng, bà L có trách nhiệm thanh toán số tiền 38.794.793 đồng bao gồm tiền gốc, tiền lãi và phí bảo hiểm trong thời hạn 18 tháng, 17 tháng đầu mỗi tháng thanh toán 2.199.486 đồng, tháng cuối cùng thanh toán 1.619.531 đồng. Kỳ thanh toán đầu tiên vào ngày 05/2/2023 và kỳ thanh toán cuối cùng vào ngày 05/7/2021.

Từ khi vay, bà L đã thanh toán cho Công ty A 04 lần với tổng số tiền 6.709.318 đồng (bao gồm: Tiền gốc đã thanh toán: 3.183.721 đồng; Tiền lãi đã thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng: 3.067.267 đồng; Tiền lãi quá hạn đã thanh toán: 145.832 đồng; Phí bảo hiểm đã thanh toán: 312.832 đồng).

Kể từ thời điểm xảy ra vi phạm, ngày 06/5/2020, Công ty A đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu bà L tuân thủ nghiêm túc nghĩa vụ thanh toán với Công ty A theo Hợp đồng. Tuy nhiên bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán và còn nợ Công ty A số tiền là 30.206.539 đồng (bao gồm: Tiền gốc chưa thanh toán: 21.816.279 đồng; Tiền lãi chưa thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tính đến ngày 05/10/2020: 5.328.220; Tiền lãi quá hạn chưa thanh toán tính đến ngày 13/7/2022: 3.062.040 đồng)

Công ty Công ty A yêu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

- Buộc bà L thanh toán một lần toàn bộ số tiền chưa thanh toán tính đến ngày trên đơn khởi kiện là 30.206.539 đồng.

- Buộc bà L phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà L không thanh toán số tiền nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Công ty A không yêu cầu bà T.T.D.L thanh toán thêm các khoản lãi phát sinh kể từ thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết đến khi xét xử.

Bị đơn bà L, theo kết quả trả lời xác minh của công an Phường B, quận GV có nội dung: Bà L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Số a đường PVC, Phường B, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh đã bán nhà đi khỏi địa phương. Hiện nay đi đâu không rõ, đã bán nhà năm 2019. Tuy nhiên trong hợp đồng tín dụng thể hiện nợ cư trú của bà L là địa chỉ nêu trên. Do đó, Tòa án xác định địa chỉ Số a đường PVC, Phường B, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú cuối cùng của bà L, bà L chuyển đi đâu nhưng không cung cấp địa chỉ nơi chuyển đến thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ cư trú, do đó Tòa án niêm yết Giấy triệu tập bà L tại địa chỉ nêu trên đến Tòa án ghi lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận GV:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên toà sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ cho Công ty là 30.206.539 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về *thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Công ty khởi kiện bà L về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bà L có hộ khẩu thường trú tại quận Gò Vấp. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn bà L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ lời trình bày của đại diện nguyên đơn: "Hợp đồng tín dụng số 2W016069310 ngày 07/01/2020; Hợp đồng thế chấp số 2W016069310 ngày 07/01/2020; Văn bản Đề nghị cấp tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử số 2W016069310 ngày 07/01/2020" giữa bà L với Công ty có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện ngày 07/01/2020 bà L vay tiền của Công ty để mua xe. Tuy nhiên, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể kể từ ngày 05/5/2020 bà L đã không thanh toán số tiền gốc và lãi phải trả. Như vậy bà L đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tiền gốc và tiền lãi là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp với quy định tại các Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền 30.206.539 đồng. Ngoài ra, đại diện nguyên đơn yêu cầu bà L phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày công ty có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà L không thanh toán số tiền trên thì phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả hết nợ. Công ty không yêu cầu bà L thanh toán thêm các khoản lãi phát sinh kể từ thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết đến khi xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này có cơ sở nên chấp nhận.

Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận GV.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 6,7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với bà T.T.D.L:

Buộc bà L phải trả cho Công ty A số tiền 30.206.539 đồng (Ba mươi triệu hai trăm lẻ sáu ngàn năm trăm ba mươi chín) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà L phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày công ty có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà L không thanh toán số tiền trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả hết nợ.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Bà T.T.D.L phải chịu 1.510.327 (Một triệu năm trăm mười ngàn ba trăm hai mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 755.164 (Bảy trăm năm mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi bốn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0012969 ngày 22/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; (01)
- Viện kiểm sát nhân dân quận GV; (01)
- Chi cục Thi hành án dân sự quận GV; (01)
- Các đương sự; (02)
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ. (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Tiến